

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/ 2021/DS-PT

Ngày: 16/6/2021

*V/v: Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng
do tài sản bị xâm phạm*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ Dương Liêm.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Văn Diệp;
2. Ông Nguyễn Văn Bình.

Thư ký phiên tòa: ông Đặng Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 75/2021/TLPT-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 113/2021/QĐ-PT, ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Trần Văn T, sinh năm 1952;

Nơi cư trú: tổ 5, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Công Th, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: tổ 15, khu phố x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Cao Văn V, sinh năm: 1971;

Nơi cư trú: tổ 5, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

***Người kháng cáo:** ông Nguyễn Công Th – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn T - nguyên đơn, trình bày:

Ông Trần Văn T có 1,6 ha cây cao su hơn 7 năm tuổi, tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, giáp đất của ông Cao Văn V (hiện nay ông V đã cho ông Nguyễn Công Th thuê để trồng mía). Khoảng 10 giờ đến 11 giờ ngày 16/01/2020, ông T nghe tin vườn cao su của ông bị cháy, ông cùng 01 số người đến dập lửa. Khi lửa đã được dập tắt, ông báo cho Công an xã T và Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh đến lập biên bản hiện trường; đồng thời, xác định lửa xuất phát từ đám mía của ông Nguyễn Công Th cháy lan sang vườn cao su của ông, làm cho 126 cây cao su của ông bị cháy, cây chết không khai thác được. Ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Công Th bồi thường thiệt hại thành tiền là 126 cây x 300.000 đồng/1 cây = 37.800.000 (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Nguyễn Công Th, trình bày:

Ngày 11/12/2016, ông có thuê 2,5 ha đất của ông Cao Văn V để trồng mía, đến ngày 30/12/2019 là hết hợp đồng; phần đất liền kề với đất cao su của ông Trần Văn T. Khoảng 6 giờ ngày 16/01/2020, ông cùng với 05 người công nhân đến thu hoạch hết số mía còn lại và đưa lên xe máy cày, đến khoảng 07 giờ cùng ngày, ông cùng nhóm công nhân rời khỏi rẫy mía, ông lái xe máy cày sang nhà máy đường B. Sáng ngày 17/01/2020, ông mới biết rẫy mía của ông bị cháy và cháy lan qua vườn cao su của ông T. Ông không có đốt rẫy mía nên việc vườn cao su của ông T bị cháy không liên quan đến ông. Nay, ông T yêu cầu ông bồi thường 126 cây cao su bị hư hại theo như định giá của Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh là 37.800.000 đồng, ông không đồng ý.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 06/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Cao Văn V trình bày:

Như lời trình bày của ông Th là đúng. Còn nguyên nhân cháy vườn cao su của ông T thì ông không biết. Khoảng 10 giờ ngày 17/01/2020 ông Th có gọi điện thoại báo cho ông là trả đất, ông cũng chưa vào rẫy nhận đất. Việc rẫy mía ông Th và vườn cao su của ông T bị cháy không liên quan đến ông. Nay, ông T yêu cầu ông Th bồi thường thiệt hại 126 cây cao su bị hư hại do đám cháy gây ra, ông không có ý kiến.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ vào các Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận 01(một) phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

2. Buộc ông Nguyễn Công Th có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Trần Văn T số tiền 12.274.000 (mười hai triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng.

- Không chấp nhận 01(một) phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” đối với ông Nguyễn Công Th về số tiền 25.526.000 (hai mươi lăm triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Buộc ông Trần Văn T phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng, ghi nhận ông T đã nộp xong.

Buộc ông Nguyễn Công Th có nghĩa vụ hoàn trả cho Trần Văn T số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/3/2021 và ngày 22/3/2021 bị đơn ông Nguyễn Công Th kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vì không đưa vợ ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Kháng cáo của ông Th là quá thời hạn luật định; tại Quyết định giải quyết kháng cáo quá hạn số 05/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Công Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: ông không có đốt mía làm cháy lan qua vườn cao su của ông T nên ông không có nghĩa vụ bồi thường, nếu phải bồi thường cho ông T số tiền theo bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên thì ông

và vợ đều phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường đối với toàn bộ số tiền trên, Tòa án không đưa vợ ông vào tham gia tố tụng để giải quyết là không đúng.

- Ông Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Th phải bồi thường bằng giá trị đối với 126 cây cao su x 300.000 đồng/ 1 cây, tổng cộng 37.800.000 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- **Về tố tụng:** việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa thu thập thêm chứng cứ tại cơ quan Công an huyện Tân Biên để xác định vụ án có được cơ quan Công an huyện Tân Biên thụ lý và đã giải quyết tin báo tội phạm chưa, mới có đủ cơ sở giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Công Th gửi đến Tòa án là quá thời hạn luật định, nhưng được Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh chấp nhận kháng cáo quá hạn theo Quyết định số 05/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2021 là phù hợp với quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp của vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” là chưa chính xác mà phải xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*” được quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho đúng.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu nguyên đơn khởi kiện tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản đối với bị đơn vẫn còn, là phù hợp với quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng,

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T xác định ông không có đơn yêu cầu cơ quan Công an huyện Tân Biên giải quyết khi xảy ra vụ cháy, ông có báo Công an xã T và Công an huyện T đến lập biên bản hiện trường, nhưng sau đó không có giải quyết và giao cho ông hồ sơ biên bản hiện trường đồng thời đề nghị ông nếu có tranh chấp thì khởi kiện tại Tòa án, nên ông khởi kiện. Do đó, thấy rằng ông T đã lựa chọn quyền dân sự để khởi kiện ông Th yêu cầu ông Th bồi thường thiệt hại do ông Th không làm ranh chống cháy nên đã để lửa cháy sang vườn cây cao su gây thiệt hại cho ông, không yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự. Mặt khác, cơ quan Công an huyện Tân Biên cũng đã giao hồ sơ hiện trường cho ông để làm chứng cứ khởi kiện, nên việc đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh cho hoãn phiên tòa để thu thập chứng cứ xác định cơ quan Công an huyện Tân Biên có thụ lý tin báo tội phạm hay không là không cần thiết. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Công Th:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định rẫy cao su của ông T bị cháy là do lá mía khô trên rẫy mía của ông Th không dọn sạch, chống cháy nên khi bị cháy đã làm cháy lan sang rẫy cao su của ông T. Về nguyên nhân vì sao lá mía khô trên rẫy mía của ông Th bị cháy thì không xác định được nguyên nhân. Tuy vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự để buộc ông Th có nghĩa vụ bồi thường 50% thiệt hại cho ông T là $24.548.160 \text{ đồng} : 2 = 12.274.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số), trên cơ sở do lỗi của hai bên là do sau khi thu hoạch mía ông Th đã không chủ động phát dọn tạo ranh cản lửa, thu dọn các vật liệu dễ cháy tạo khoảng cách an toàn đối với phần đất liền kề để phòng cháy; về phía ông T, trong quá trình canh tác ông T không thực hiện các biện pháp phòng cháy theo phong tục địa phương về việc tự bảo vệ tài sản của mình như: dọn cành khô, quét, thổi lá khô, cày ranh chống cháy dẫn đến ngọn lửa cháy lan làm thiệt hại đến tài sản của ông.

[3.2] Thấy rằng, theo Điều 584 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng:

“Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.

2. Người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thiệt hại phát sinh là do sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

3. Trường hợp tài sản gây thiệt hại thì chủ sở hữu, người chiếm hữu tài sản phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp thiệt hại phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều này.”

Theo đó, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng phát chỉ sinh khi có các điều kiện: có thiệt hại xảy ra, hành vi gây thiệt hại là hành vi trái pháp luật, có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại xảy ra. Trong vụ án này, thiệt hại xảy ra cho ông T là 126 cây cao su trị giá là 24.548.160 đồng là có thật, nhưng không có hành vi gây thiệt hại là hành vi trái pháp luật của ông Th đối với thiệt hại của ông T, vì hành vi trái pháp luật trong trách nhiệm dân sự là những xử sự cụ thể của chủ thể được thể hiện thông qua hành động hoặc không hành động xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, bao gồm: làm những việc mà pháp luật cấm, không làm những việc mà pháp luật buộc phải làm, thực hiện vượt quá giới hạn pháp luật cho phép hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ mà pháp luật quy định. Trong vụ án này, trong lời khai của ông T (bút lục: 18), lời khai của người làm chứng, kể cả xác định của cơ quan Công an huyện Tân Biên thì chưa có căn cứ nào xác định hành vi gây cháy cây cao su của ông T là do hành vi trái pháp luật của ông Th gây ra. Việc xác định lửa bùng phát từ lá mía khô trên đất rẫy của ông Th cũng chỉ là suy đoán, vì khi lửa phát cháy không có người ở tại hiện trường chứng kiến và nếu nguyên nhân là *do sự kiện bất khả kháng thì người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 2 Điều 584 của Bộ luật Dân sự*.

[3.3] Mặt khác, pháp luật cũng không quy định bắt buộc người trồng mía, người trồng cao su phải thực hiện việc phòng chống cháy trong quá trình sản xuất, thu hoạch; việc phòng chống cháy là do ý thức của các chủ thể nhằm để bảo vệ tài sản của mình và tránh gây thiệt hại cho người khác. Đây không phải là quy định bắt buộc nên không thể coi hành vi không phòng chống cháy lá mía khô của ông Th là hành vi trái pháp luật được.

[3.4] Do không có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại xảy ra nên không có căn cứ để buộc ông Th phải bồi thường thiệt hại cho ông T.

[3.5] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Th tự nguyện hỗ trợ ông T 5.000.000 đồng tiền mua phân bón nhưng ông T không đồng ý; tại phiên tòa phúc thẩm ông Th không đồng ý hỗ trợ cho ông T và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết, nên ghi nhận xem xét.

Từ những nhận định trên thấy rằng, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Th, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T; sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản do yêu cầu của ông T không được chấp nhận. Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng; ông T đã tạm nộp 2.000.000 đồng (bút lục 61), nên được khấu trừ. Ghi nhận ông Trần Văn T đã nộp xong.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Trần Văn T phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu của ông T không được Tòa án chấp nhận, nhưng ông Trần Văn T là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm tiền án phí nên ông T được miễn tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo của ông Th được chấp nhận nên ông Th không phải chịu án phí phúc thẩm được quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc xác định nghĩa vụ chịu án phí là người nào phải chịu án phí, không quy định “buộc” phải chịu án phí. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định “buộc” đương sự phải chịu về nghĩa vụ án phí là không chính xác, không đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Công văn số 189/2002/KHXX ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc quyết định về án phí trong bản án dân sự, kinh tế, lao động, hành chính; cấp sơ thẩm cần khắc phục sai sót này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584 của Bộ luật Dân sự; khoản 1, khoản 3 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Công Th; sửa bản án sơ thẩm;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với ông Nguyễn Công Th về “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*”.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Ông Trần Văn T phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Ghi nhận ông T đã nộp xong.

4. Về án phí sơ thẩm: miễn tiền án phí sơ thẩm cho ông Trần Văn T.

5. Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Công Th không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Công Th 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0005097 ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ, tập án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Dương Liêm

